TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2019/DS-ST
Ngày: 26-4-2019
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Xuân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Kiện
2. Bà Huỳnh Phương Lan

Thư ký phiên toà: Bà Phan Thị Quyên – Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên toà:* Ông Lâm Sển - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 166/2018/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2019/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Ngô Bá Đ, sinh năm 1968 (Có mặt)

Địa chỉ: phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: - Ông Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1966 (Vắng mặt)

- Bà Nguyễn Thị Ng (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 18-10-2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Ngô Bá Đ trình bày như sau:

Vào ngày 12-6-2017 (dương lịch) nhằm ngày 18-5-2017 (âm lịch) vợ chồng ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng có vay của ông Đ số tiền 500.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận 5%/tháng. Khi vay tiền của ông Đ thì ông Tr, bà Ng có giao cho ông Đ giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 899352, tờ bản đồ số 09, thửa số 1095, diện tích đất 324m^2 tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24-8-2015 cho ông Nguyễn Văn Tr, để làm tin và nói nếu sau này ông Tr, bà Ng không có tiền trả vốn gốc và lãi cho ông Đ thì hai bên sẽ

ra văn phòng công chứng để ông Tr và bà Ng làm thủ tục giao nhà và đất cho ông Đ sử dụng. Đến ngày 18-9-2017 (âm lịch) nhằm ngày 06-11-2017 (dương lịch), ông Tr và bà Ng tiếp tục đến nhà ông Đ hỏi vay thêm số tiền là 100.000.000 đồng. Tổng cộng ông Tr, bà Ng đã vay của ông Đ 02 lần với số tiền 600.000.000 đồng. Khi vay tiền ông Tr và bà Ng có viết biên nhận và ký tên trong biên nhận. Trong biên nhận không ghi thời hạn và lãi suất, hai bên chỉ thỏa thuận miệng là 12 tháng và lãi suất 5%.

Từ khi vay cho đến nay ông Tr và bà Ng đã đóng lãi cho ông Đ được 02 tháng với số tiền là 60.000.000 đồng, sau đó ông Tr, bà Ng không trả vốn gốc và cũng không đóng lãi cho ông Đ nữa. Ông Đ đã nhiều lần đến nhà gặp ông Tr, bà Ng để yêu cầu trả tiền nhưng ông Tr, bà Ng cứ hẹn lần lượt mà không chịu trả cho ông Đ số tiền 600.000.000 đồng và tiền lãi.

Nay ông Đ yêu cầu ông Tr và bà Ng trả cho ông Đ số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử và trừ lại 60.000.000 đồng tiền lãi mà ông Đ đã nhận của ông Tr, bà Ng. Ông Đ tự nguyện trả lại cho ông Tr bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 899352, tờ bản đồ số 09, thửa số 1095, diện tích đất 324m^2 tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24-8-2015 cho ông Nguyễn Văn Tr.

Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng: Không có ý kiến bằng văn bản theo Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập làm việc, Thông báo phiên họp và Thông báo hoãn phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án.

Tại phiên tòa ông Tr và bà Ng vắng mặt.

** Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký: Thực hiện đúng quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Thời hạn chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử: Đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Ngô Bá Đ đối với bị đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghị án, Toà án nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Ngày 18-10-2018 ông Ngô Bá Đ có đơn khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng trả cho ông Đ số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại

khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Toà án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn là tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Về sự vắng mặt của đương sự: Bị đơn ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng không có mặt theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án. Tại phiên tòa nguyên đơn đồng ý xử vắng mặt bị đơn. Do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Toà án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] *Về nội dung:* Xét yêu cầu của ông Đ buộc ông Tr, bà Ng trả cho ông Đ số tiền vay gốc là 600.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định pháp luật từ ngày vay cho đến ngày xét xử và trừ lại 60.000.000 đồng tiền lãi mà ông Đ đã nhận của ông Tr, bà Ng, Toà án nhận thấy:

Thời gian từ ngày 12-6-2017 đến ngày 06-11-2017, ông Tr và bà Ng có vay của ông Đ tổng cộng số tiền 600.000.000 đồng và trả lãi cho ông Đ được 60.000.000 đồng. Xét thấy số tiền 600.000.000 đồng ông Đ kiện ông Tr và bà Ng chưa được ông Tr, bà Ng thừa nhận tại Tòa án. Tuy nhiên, căn cứ vào biên nhận do nguyên đơn cung cấp có nội dung: ngày 12-6-2017 (dương lịch) nhằm ngày 18-5-2017 (âm lịch) ông Tr và bà Ng vay ông Đ số tiền 500.000.000 đồng, ngày 06-11-2017 (dương lịch) nhằm ngày 18-9-2017 (âm lịch) ông Tr và bà Ng vay ông Đ số tiền 100.000.000 đồng đều có chữ ký xác nhận của ông Tr và bà Ng. Bên cạnh đó, khi vay tiền của ông Đ, ông Tr, bà Ng có giao cho ông Đ giữ bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất do ông Nguyễn Văn Tr đứng tên để làm tin. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập ông Tr, bà Ng đúng theo quy định pháp luật nhưng ông Tr, bà Ng vẫn vắng mặt không lý do, cho thấy ông Tr, bà Ng đã cố tình trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ đối với ông Đ. Do đó, việc ông Đ yêu cầu ông Tr, bà Ng trả số tiền vay gốc 600.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

Xét yêu cầu của ông Đ về việc tính lãi theo quy định pháp luật đối với số tiền vay gốc 500.000.000 đồng tính lãi từ ngày 12-6-2017 đến ngày xét xử 26-4-2019 và số tiền vay gốc 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 06-11-2017 đến ngày xét xử 26-4-2019: theo như ông Đ trình bày thì ông và ông Tr, bà Ng thỏa thuận lãi suất 5%/tháng nhưng không ghi vào biên nhận và ông đã nhận tiền lãi 02 tháng của ông Tr, bà Ng là 60.000.000 đồng. Do trong biên nhận vay tiền giữa ông Đ và ông Tr, bà Ng không thể hiện rõ lãi suất thỏa thuận là bao nhiêu nên mức lãi suất được tính theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 10%/năm = 0,833%/tháng. Tiền lãi được tính như sau:

Số tiền vay gốc 500.000.000 đồng tính lãi từ ngày 12-6-2017 đến ngày xét xử 26-4-2019 là 22 tháng 14 ngày, tiền lãi là: 500.000.000 đồng x 0,833% x 22 tháng 14 ngày = 93.573.666 đồng;

Số tiền vay gốc 100.000.000 đồng tính lãi từ ngày 06-11-2017 đến ngày xét xử 26-4-2019 là 17 tháng 20 ngày, tiền lãi là: 100.000.000 đồng x 0,833% x 17 tháng 20 ngày = 14.716.333 đồng;

Tổng cộng tiền lãi là 108.289.999 đồng - 60.000.000 đồng tiền lãi ông Đ đã nhận của ông Tr, bà Ng = 48.289.999 đồng.

[3] Về việc ông Đ tự nguyện trả lại cho ông Tr bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 899352, tờ bản đồ số 09, thửa số 1095, diện tích đất 324m^2 đất tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24-8-2015 cho ông Tr là phù hợp pháp luật nên ghi nhận.

[4] Thống nhất ý kiến của Kiểm sát viên về quan điểm giải quyết vụ án như đã phân tích và nhận định trên.

[5] Căn cứ Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Toà án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Bá Đ; buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng phải trả cho ông Ngô Bá Đ số tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 48.289.999 đồng, tổng cộng là 648.289.999 đồng.

[6] *Án phí dân sự sơ thẩm:* Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên buộc ông Tr, bà Ng phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền phải trả cho ông Đ là: 648.289.999 đồng = 20.000.000 đồng + (248.289.999 đồng x 4%) = 29.931.599 đồng.

Ông Ngô Bá Đ không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 14.000.000 đồng cho ông Đ theo biên lai thu số 0009346 ngày 23-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 26, 147, 227, 228, 266 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các điều 463, 466, 468 và 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Bá Đ.

2. Buộc ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Ngô Bá Đ số tiền vay gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật là 48.289.999 đồng, tổng cộng là 648.289.999 đồng (Sáu trăm bốn mươi tám triệu, hai trăm tám mươi chín nghìn, chín trăm chín mươi chín đồng).

Kể từ ngày ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Tr, bà Ng không trả số tiền trên thì còn phải trả cho ông Đ khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

3. Ghi nhận sự tự nguyện của ông Ngô Bá Đ về việc trả lại cho ông Nguyễn Văn Tr bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BU 899352, tờ bản đồ số 09, thửa số 1095, diện tích đất 324m^2 tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện C, tỉnh Kiên Giang do Ủy ban nhân dân huyện C cấp ngày 24-8-2015 đứng tên ông Nguyễn Văn Tr.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Văn Tr và bà Nguyễn Thị Ng có nghĩa vụ liên đới nộp án phí 29.931.599 đồng (Hai mươi chín triệu, chín trăm ba mươi mốt nghìn, năm trăm chín mươi chín đồng).

Ông Ngô Bá Đ không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí 14.000.000 đồng cho ông Đ theo biên lai thu số 0009346 ngày 23-10-2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Kiên Giang.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014".

5. Quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Châu Thành;
- Chi cục THA dân sự huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Tạ Thị Xuân